

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 175 /MĐC-ĐTĐH
V/v: Xây dựng kế hoạch học tập của
từng ngành, chuyên ngành.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Kính gửi: Các Khoa, Bộ môn chuyên môn trong Trường.

Để nâng cao hiệu quả công tác Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường yêu cầu các Khoa, Bộ môn chuyên môn thực hiện công việc sau:

1. Xây dựng kế hoạch học tập của từng chuyên ngành đào tạo Đại học trong niên giám 2013 theo mẫu phòng Đào tạo Đại học đã gửi các Khoa.
2. Xây dựng kế hoạch học tập của từng chuyên ngành có đào tạo trình độ Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ (như mẫu trình độ đại học).
3. Xây dựng kế hoạch học tập của từng chuyên ngành có đào tạo trình độ Liên thông Cao đẳng lên Đại học theo hệ thống tín chỉ.

Các Khoa tập hợp, gửi bản giấy về phòng Đào tạo Đại học trước ngày 20/03/2015 (bản mềm vào địa chỉ: phongdaotao@humg.edu.vn).

Đề nghị các Khoa, Bộ môn nghiêm túc triển khai và báo cáo theo đúng tiến độ.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Ban Giám Hiệu (Để báo cáo);
- Lưu : HCTH, ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG



KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG (Gồm 02 chuyên sâu)

HK1 (16TC)	HK2 (16TC)	HK3 (18TC)	HK4 (16TC)	HK5 (16TC)	HK6 (17TC)	HK7 (17TC)	HK8 (17TC)	HK9 (14TC)	HK10 (13TC)
4020101 20 Nguyên lý cơ bản của CN Mác-LN 1 4010102 40 Giải tích 1 4010101 30 Đại số 4010601 30 Tiếng Anh NEF1 4080201 30 Tin học đại cương+TH 4010701 10 Giáo dục thể chất 1	4020102 30 Nguyên lý cơ bản của CN Mác-LN2 4010103 30 Giải tích 2 4010201 30 Vật lý đại cương A1+TN 4010601 30 Tiếng Anh NEF2 4010301 30 Hóa học đại cương phần 1+TN 4010702 10 Giáo dục thể chất 2	4020103 20 Pháp luật đại cương 4110106 30 Sinh thái học môi trường 4010202 30 Vật lý đại cương A2+TN 4110107 40 Vi hóa sinh môi trường +thi nghiệm 4110101 30 Hóa học môi trường 4010703 10 Giáo dục thể chất 3	4110109 20 Luật và chính sách môi trường 4020201 20 Tư tưởng Hồ Chí Minh 4110103 20 Quá trình thủy lực trong CNMT 4110104 20 Quá trình chuyển khối trong CNMT 4110105 30 Quá trình chuyển khối trong CNMT 4010704 10 Giáo dục thể chất 4 4110108 20 Độc học môi trường Môn học tự chọn A (ngành MTKT)	4110110 20 Điều tra ĐCMT và tài biến ĐC 4110102 20 Phân tích môi trường 4110112 20 PP lấy và PT mẫu MT 4030225 20 Cơ sở khai thác mỏ 4060402 20 Kỹ thuật dầu khí đại cương 4010705 10 Giáo dục thể chất 5 4010406 30 Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL Môn học tự chọn A (ngành MTKT)	4010601 20 Tiếng Anh chuyên ngành 4110301 20 Quản lý chất thải rắn 4110208 20 Kiểm soát chất thải NH 4110206 30 KTXL nước và nước thải 4110207 30 Kiểm soát ÔN khí và tiếng ồn Môn học tự chọn B (khoa 11) Môn học tự chọn C (toàn trường)	4110303 20 Quan trắc và XL số liệu môi trường 4110304 20 Tự động hóa dùng cu đo CL MT 4110209 20 Quản lý môi trường 4110210 30 Đánh giá tác động môi trường và rủi ro 4110302 20 Ứng dụng tin học trong KTM 4110211 20 Kinh tế môi trường Môn học tự chọn B (khoa 11) Môn học tự chọn C (toàn trường)	4090225 20 CNXL khí thải và tiếng ồn trong CNMT+BTL 4110305 30 4110306 30 QL và KS CT quảng đuôi trong KTMĐT+BTL 4110330 30 Thực tập sản xuất Môn học tự chọn 01 Môn học tự chọn B (khoa 11) Môn học tự chọn C (toàn trường)	4060402 20 4110307 30 CNMT trong CN dầu khí+BTL 4020301 30 Đường lối cách mạng của ĐCSVN 40 Môn học tự chọn 01 Môn học tự chọn B (khoa 11) Môn học tự chọn C (toàn trường)	4110308 20 Thực tập thí nghiệm KTM 4110331 40 Thực tập tốt nghiệp 4110332 70 Đồ án tốt nghiệp

Chú thích

Mã học phần Số tín chỉ

4020101 20

→ Học phần tiên quyết
→ Học phần học trước

Môn tự chọn A (ngành MTKT) chọn 6 tín chỉ

4010307 30
Cân bằng pha và hóa keo+TN

4010105 20
Xác suất thống kê

4010305 30
Hóa phân tích phần 1+TN

4010501 30
Cơ học lý thuyết 1

4010116 20
Lý thuyết hệ thống

Môn tự chọn 01 theo hướng chuyên sâu chọn 8 tín chỉ

KTMT trong công nghiệp mỏ (MTKT1)	KTMT trong CN và DD (MTKT2)
4110310 20 Kỹ thuật xử lý nước thải CN mỏ 4110311 20 Quản lý khí độc hại trong KTHL và XDCTN 4110312 20 Kỹ thuật cải tạo phục hồi MT và đóng cửa mỏ 4110313 20 Kiểm soát ÔNMT trong KT dầu mỏ và khí đốt 4110314 20 Quản lý MT trong KT dầu khí 4110315 20 Hệ thống quản lý nước thải mỏ 4110316 20 KTAT và sức khỏe trong khai thác mỏ	4110317 20 Kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt 4110318 20 Ứng dụng hóa học trong KTXL nước và nước thải 4110319 20 Thiết kế Wetland cho xử lý nước thải 4110320 20 Công cụ mô hình hóa trong MT đất 4110321 20 Thiết kế mạng lưới thoát nước 4110322 20 Kiểm soát tài biến và rủi ro sụt lún bờ dốc 4110323 20 Kỹ thuật xử lý và tái sử dụng chất thải rắn

Môn tự chọn B (khoa 11) chọn 8 tín chỉ

4110110 20 Điều tra địa chất MT và tài biến địa chất 4110226 20 Quản lý tổng hợp lưu vực sông và đới bờ 4110325 20 Nguyên lý KH than và PP KH than trong lòng đất 4110117 30 Đánh giá rủi ro tai biến thiên nhiên 4110326 20 Công nghệ Wetland xử lý nước thải mỏ 4110116 20 Công nghệ GIS trong quản lý MT 4110235 20 Quá trình vật lý trong kỹ thuật MT 4110232 20 Địa hóa sinh thái môi trường 4110329 20 Kiểm soát khí độc hại trong KT mỏ than hầm lò 4110123 20 Đánh giá môi trường chiến lược	4110113 20 Phương pháp toán xử lý tài liệu địa MT 4110324 20 Kỹ thuật năng lượng tái tạo đại cương 4110122 20 Công nghệ Nano trong MT 4110220 20 Quản lý môi trường đô thị và khu CN 4110327 20 Luật và chính sách BVMT trong KT dầu khí 4110118 20 Môi trường phóng xạ 4110231 20 Các quá trình sinh học và CNMT 4110328 20 KTXL đuôi quảng và CTR trong khai thác mỏ 4110218 20 Quản lý và phát triển sinh thái TN nước 4110124 20 Tài biến địa chất
---	---

Môn tự chọn C (toàn trường) chọn 8 tín chỉ

4000001 20 Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính 4000004 20 Cơ sở văn hóa Việt Nam 4020104 20 Lịch sử triết học 4010604 20 Tiếng Anh 4 4010607 20 Tiếng Trung 1 4030222 20 Cơ sở khai thác hầm lò 4040110 20 Địa mạo cảnh quan 4050301 30 Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS) 4050526 20 Trắc địa đại cương 4060402 20 Kỹ thuật đầu khí đại cương 4070401 30 Nguyên lý kế toán 4100167 20 Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	4000002 20 Tâm lý học đại cương 4000005 20 Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm 4010403 20 Autocad 4010605 20 Tiếng Nga 1 4010608 20 Tiếng Trung 2 4030422 20 Cơ sở tuyến khoáng 4040517 30 Cơ sở địa chất công - trình địa chất thủy văn 4050302 20 Cơ sở viễn thám 4060142 20 Địa vật lý đại cương 4070304 30 Kinh tế và quản trị doanh nghiệp 4080153 20 Thiết kế Website 4110114 20 Nền tảng và phát triển bền vững	4000003 20 Tiếng Việt thực hành 4000006 20 Kỹ năng tư duy phê phán 4010603 20 Tiếng Anh 3 4010606 20 Tiếng Nga 2 4030114 20 Cơ sở khai thác lộ thiên 4040101 30 Địa chất đại cương 4050203 30 Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ)+BTL 4050509 20 Kỹ thuật môi trường 4060339 20 Cơ sở lọc hóa dầu 4070331 20 Quản trị dự án đầu tư 4080309 20 Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở 4110130 20 Địa y học 4110236 20 Môi trường và con người
--	---	--

Sinh viên chọn tối đa 2 tín chỉ trong các môn học nhóm tự chọn 01

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN CHUYÊN NGÀNH ĐỊA SINH THÁI & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

HK1(15TC)	HK2(15TC)	HK3(17TC)	HK4(20TC)	HK5(20TC)	HK6(18TC)	HK7(16TC)	HK8(10TC)
4020101 2() Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN1 4010101 3() Đại số 4010102 4() Giải tích 1 4010106 2() Phương pháp tính 4010301 3() Hóa đại cương phần 1 + TN 3() Tự chọn A 3() Tự chọn C	4020102 3() Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN2 4010103 3() Giải tích 2 4010302 2() Hóa đại cương phần 2 3() Tự chọn A 4() Vật lý đại cương 1 + TN 3() 4010613 3() Tiếng Anh 1 2() Tự chọn C	4010105 2() Xác suất thống kê 4010202 3() Vật lý đại cương 2 + TN 4020201 2() Tư tưởng Hồ Chí Minh 4020301 3() Đường lối cách mạng của Đảng CSVN 4020103 2() Pháp luật đại cương 3() 4010614 3() Tiếng Anh 2 3() 4110201 3() Nhập môn kỹ thuật công nghệ môi trường 2() 4110103 2() QTTL trong CNMT	4110202 2() Độc học môi trường 4110203 3() Vi hóa sinh môi trường 4110204 1() Thực tập sinh học 4110104 2() QTTN trong CNMT 4110105 3() QTCK trong CNMT 4110111 2() Hóa học môi trường 1 4110205 1() Thí nghiệm Hóa 1 2() Tự chọn B	4110207 3() Kiểm soát ô nhiễm KK & tiếng ồn 4110208 2() Công nghệ QLCTR 4110209 3() Kỹ thuật XLN cấp, nước thải 4110109 2() Luật và chính sách MT 4110210 2() Tài nguyên khí hậu 4110211 2() Sinh thái học MT 4110212 3() Bảo vệ và cải tạo sinh thái đất 2() Tự chọn B	4110209 2() Quản lý môi trường 4110213 2() Giảm thiểu, tái sử dụng v tái chế chất thải 4110214 2() Quan trắc &thiết kế quan trắc môi trường 4110215 2() Kiểm soát chất thải nguy hại 4110216 2() Thực tập công nghệ môi trường 4110217 2() Mô hình hóa trong CNMT 4110220 2() Quản lý và phát triển sinh thái tài nguyên nước 2() Tự chọn C	4110218 2() An toàn, sức khỏe môi trường 4110221 3() Tính toán thiết kế các CTXL trong CNMT+ĐA 4110222 2() Sản xuất sạch hơn 4110223 3() Đánh giá tác động môi trường và rủi ro 3() Tự chọn B 2() Tự chọn C	4070417 2() Thực tập tốt nghiệp 4070418 8() Luận văn tốt nghiệp
Ghi chú -- ➔ Điều kiện học trước ➔ Điều kiện tiên quyết							
Các môn tự chọn A chọn 6 tín chỉ 4010114 3() Toán cao cấp 2 4010201 3() Vật lý đại cương A1+TN 4010301 3() Hóa học đại cương 1+TN 4080217 3() Tin học B + TH 4010615 3() Tiếng Anh 3 4010616 3() Tiếng Anh 4		Các môn tự chọn B chọn 6 tín chỉ 4070429 2() 4070430 2() 4070421 2() 4070449 2() 4070422 2() 4070433 2() 4070460 2() 4070450 2() 4070447 2() 4070446 2() 4070431 2() 4070432 2() 4070451 2() 4070448 2() 4070445 2() 4070459 2() 4070455 2() 4070452 2() 4070424 2() 4070437 4()			Các môn tự chọn C chọn 6 tín chỉ 4000001 2() 4000002 2() 4000003 2() 4000004 2() 4000005 2() 4000006 2() 4070105 2() 4070115 2() 4070225 2() 4070227 2() 4070305 2() 4070330 2() 4070455 2() 4070331 2() 4070336 2() 4070337 4()		